

Số: **74** /2009/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày **13** tháng **10** năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính viễn thông ngày 25/5/2002;

Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTTTT ngày 12/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số **70**/TTTr-STTTT ngày **20** tháng **8** năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

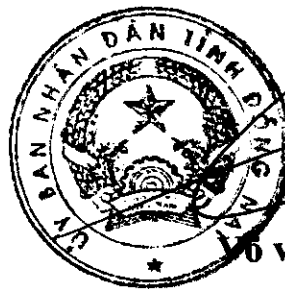
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 46/2006/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KT văn bản QPPL (Bộ Tư pháp) ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Một

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet
và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2009
của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chính sách quản lý và phát triển Internet

1. Khuyến khích việc ứng dụng Internet trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội để nâng cao năng suất lao động; học tập, vui chơi giải trí, mở rộng các hoạt động thương mại; hỗ trợ cải cách hành chính, tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Thúc đẩy việc ứng dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Internet. Có biện pháp để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm các quy định của pháp luật và để bảo vệ trẻ em khỏi tác động tiêu cực của Internet.

4. Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

5. Khuyến khích đưa thông tin tiếng Việt, đặc biệt là thông tin về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước lên Internet. Khuyến khích sử dụng tiếng Việt trong sáng, lành mạnh trên các trang thông tin điện tử cá nhân.

6. Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.

7. Internet Việt Nam là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, được bảo vệ theo pháp luật, không ai được xâm phạm. Bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin điện tử trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân.

8. Khuyến khích phát triển và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân giúp cá nhân mở rộng khả năng tương tác trên môi trường Internet để trao đổi, chia sẻ các thông tin phù hợp với thuần phong mỹ tục và các quy định của pháp luật Việt Nam, làm phong phú thêm đời sống xã hội và tinh thần gắn kết cộng đồng; sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên các mạng xã hội trực tuyến đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Khi phát hiện các hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chức năng gần nhất để xử lý.

Điều 4. Nghiêm cấm các hành vi sau đây

1. Lợi dụng Internet nhằm mục đích:

a) Chống lại Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc;

b) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định;

c) Đưa các thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức; danh dự, nhân phẩm của công dân;

d) Lợi dụng Internet để quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

2. Gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị và cản trở trái pháp luật việc quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

3. Đánh cắp và sử dụng trái phép mật khẩu, khoá mật mã và thông tin riêng của các tổ chức, cá nhân trên Internet.

4. Tạo ra, cài đặt, phát tán vi rút máy tính, phần mềm gây hại vào thiết bị số của người khác để thay đổi các tham số cài đặt của thiết bị số; thu thập thông tin của người khác; xóa bỏ, làm mất tác dụng của các phần mềm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được cài đặt trên thiết bị số; ngăn chặn khả năng của người sử dụng xóa bỏ hoặc hạn chế sử dụng những phần mềm không cần thiết; chiếm đoạt quyền điều khiển thiết bị số; thay đổi, xóa bỏ thông tin lưu trữ trên thiết bị số; các hành vi khác xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

5. Lợi dụng trang thông tin điện tử cá nhân để cung cấp, truyền đưa hoặc đặt đường liên kết trực tiếp đến những thông tin vi phạm các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 điều này.

6. Tạo trang thông tin điện tử cá nhân giả mạo cá nhân, tổ chức khác; sử dụng trái phép tài khoản trang thông tin điện tử cá nhân của cá nhân khác; thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

7. Truyền bá các tác phẩm báo chí, tác phẩm văn học, nghệ thuật, các xuất bản phẩm vi phạm các quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản.

8. Sử dụng những thông tin, hình ảnh của cá nhân mà vi phạm các quy định tại Điều 31, Điều 38 Bộ luật Dân sự.

9. Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân mà vi phạm các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, về giao dịch thương mại điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET

Điều 5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet (ISP) là doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam để cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng.

2. Có quyền và nghĩa vụ nêu tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

3. Chỉ được cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng sau khi có Giấy phép cung cấp dịch vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Triển khai việc niêm yết nội quy sử dụng dịch vụ Internet tại các điểm cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng.

5. Thực hiện báo cáo thống kê về mạng lưới và dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng (trước ngày 10); danh sách đại lý Internet định kỳ 6 tháng (trước ngày 10/01 và 10/7 hàng năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng

1. Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng là doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

2. Có quyền và nghĩa vụ nêu tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

3. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Chủ mạng Internet dùng riêng

1. Chủ mạng Internet dùng riêng là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thiết lập mạng Internet dùng riêng theo quy định. Thành viên của mạng là thành viên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng. Tư cách thành viên được xác định theo điều lệ hoạt động, văn bản quy định cơ cấu, tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó hoặc các quy định pháp lý liên quan khác.

2. Có quyền và nghĩa vụ nêu tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

3. Các mạng Internet dùng riêng mà các thành viên của mạng là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có cùng tính chất hoạt động hay mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên và mạng Internet dùng riêng có đường truyền tự xây dựng phải có Giấy phép thiết lập mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

4. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến là doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam để cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến cho công cộng.

2. Có trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet và khoản 5 Thông tư 07/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ.

3. Chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi có thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận đã nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/01 và 15/7 hàng năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Tổ chức, doanh nghiệp được thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet để cung cấp thông tin tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội trên cơ sở trích dẫn lại thông tin từ nguồn chính thức của các cơ quan báo chí hoặc từ các trang thông tin điện tử của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

2. Có Giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

3. Các cơ quan báo chí đã được cấp Giấy phép hoạt động báo điện tử theo quy định của pháp luật về báo chí được thiết lập trang thông tin điện tử sử dụng cho hoạt động báo chí.

5. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Đại lý Internet

1. Đại lý Internet là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân danh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông cho người sử dụng thông qua hợp đồng đại lý và hưởng thù lao.

2. Các tổ chức, cá nhân là chủ các khách sạn, nhà hàng, văn phòng, sân bay, bến xe, v.v... khi cung cấp dịch vụ Internet cho người sử dụng không thu cước dịch vụ trong phạm vi các địa điểm nói trên đều phải ký hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và thực hiện đầy đủ các quy định về đại lý, trừ các quy định liên quan đến giá cước đối với người sử dụng dịch vụ.

3. Phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh được quy định tại Điều 15 Nghị định 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet như:

a) Có địa điểm và mặt bằng bảo đảm các quy định, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường để bảo vệ an toàn và sức khoẻ cho người sử dụng dịch vụ;

b) Thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật;

c) Ký hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh như quy định tại điểm b khoản 3 điều này;

d) Có hệ thống thiết bị Internet đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định;

e) Niêm yết nội quy sử dụng dịch vụ Internet tại địa điểm kinh doanh, bảng nội quy phải đảm bảo kích thước chiều dài 80cm, chiều rộng 60cm.

4. Có quyền và nghĩa vụ nêu tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

5. Thực hiện giờ mở cửa tại đại lý: Tối đa từ 06 giờ đến 23 giờ hàng ngày.

Điều 11. Chủ thể trang thông tin điện tử cá nhân (blog)

1. Cá nhân được đăng ký khởi tạo trên Internet trang thông tin điện tử cá nhân (blog) để thể hiện những thông tin mang tính chất cá nhân phục vụ nhu cầu lưu trữ hoặc trao đổi, chia sẻ với một nhóm người hoặc với cộng đồng rộng rãi sử dụng dịch vụ Internet.

2. Không được lợi dụng Internet vi phạm khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 4 của Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cung cấp, lưu trữ, truyền đi trên trang thông tin điện tử cá nhân của mình, bảo đảm không vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định tại khoản 2 điều này; có trách nhiệm bảo vệ mật khẩu, khoá mật mã, thông tin cá nhân.

Điều 12. Người sử dụng dịch vụ Internet

1. Người sử dụng dịch vụ Internet là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet hoặc với đại lý Internet để sử dụng dịch vụ Internet.

2. Được sử dụng tất cả các dịch vụ Internet, trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

3. Bảo vệ mật khẩu, khoá mật mã, thông tin cá nhân và chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin.

4. Chịu trách nhiệm về những nội dung thông tin do mình đưa vào, lưu trữ, truyền đi trên Internet theo quy định của pháp luật.

5. Không được truy cập vào những trang web có nội dung không lành mạnh.

6. Nghiêm cấm việc lợi dụng Internet vi phạm Điều 4 của Quy định này.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC QUẢN LÝ INTERNET

Điều 13. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Trực tiếp, chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động Internet trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; là đầu mối và phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh và các cơ quan có chức năng liên quan trên địa bàn tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về Internet.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ Internet trên địa bàn.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về Internet.

4. Soạn thảo và triển khai nội quy sử dụng dịch vụ Internet đến doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

5. Tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý Internet cho phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

6. Thực hiện tổng hợp thông tin báo cáo định kỳ 6 tháng 01 lần và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh những biện pháp quản lý phù hợp với tình hình phát triển Internet trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Công an tỉnh

Thực hiện công tác đảm bảo an ninh trong hoạt động Internet, bao gồm:

1. Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an xử lý thông tin nghiệp vụ về Internet trên địa bàn tỉnh; đề xuất, phối hợp thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động Internet theo quy định của Bộ Công an.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về biện pháp đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin trên Internet.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn các chủ thể cung cấp dịch vụ Internet triển khai thực hiện công tác bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động Internet theo đúng quy định hiện hành.

4. Hướng dẫn các chủ thể cung cấp dịch vụ Internet thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy tại các điểm cung cấp dịch vụ Internet công cộng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Hỗ trợ và phối hợp các cơ quan chức năng có liên quan tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh thông tin trên lĩnh vực Internet.

Điều 15. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, đào tạo và học sinh, học viên ứng dụng, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc nghiên cứu ứng dụng và phát triển Internet trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

3. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại các cơ sở giáo dục, đào tạo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn thủ tục đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trên địa bàn tỉnh.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp vi phạm Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- b) Doanh nghiệp có hành vi vi phạm đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi không được cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi Giấy phép trong trường hợp chỉ đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Internet;
- d) Doanh nghiệp kinh doanh đại lý Internet khi không thực hiện việc ký hay gia hạn hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, trong trường hợp chỉ đăng ký kinh doanh ngành, nghề đại lý Internet.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong việc cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký giảm ngành nghề Giấy đăng ký kinh doanh đại lý Internet theo thẩm quyền đối với các điểm cung cấp dịch vụ Internet theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh, kiểm tra các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet theo Luật Doanh nghiệp và theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình cấp và thu hồi Giấy đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

1. Hướng dẫn thủ tục và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp dịch vụ Internet trên địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước và của tỉnh về việc khai thác, sử dụng các dịch vụ Internet trên địa bàn.

3. Tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước trong hoạt động Internet tại địa phương theo thẩm quyền; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định này.

4. Tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hay đột xuất hoạt động kinh doanh của các đại lý Internet.

5. Chỉ đạo Công an, phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa thực hiện công tác quản lý nhà nước trong hoạt động Internet tại địa phương.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh hoạt động đại lý Internet công cộng có hành vi tái phạm nhiều lần nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hỗ trợ các cơ quan chức năng trong công tác thanh kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại địa phương.

8. Báo cáo định kỳ 3 tháng 01 lần và đột xuất về tình hình hoạt động của đại lý Internet tại địa phương và mức xử lý đối với những hành vi vi phạm theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

Chương IV THANH TRA, KIỂM TRA

Điều 18. Thanh tra, kiểm tra

1. Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực Internet chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào nội dung quản lý nhà nước quy định tại Chương III Quy định này, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan định kỳ hàng năm tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy định này tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm thì bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2. Các hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet trên địa bàn tỉnh được áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Điều 21. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan có liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quy định này.

Điều 22. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Một